

Số: **182/2020/QĐST-HNGĐ**

Long Thành, ngày 27 tháng 10 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ các Điều 212, 213, 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 728/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Trần Tất P, sinh năm 1984.

Nơi đăng ký thường trú: Thôn L, xã L, huyện S, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi sinh sống: phường P, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

- Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1994.

Nơi đăng ký thường trú: Nơi đăng ký thường trú: Thôn L, xã L, huyện S, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi sinh sống: Tổ B, khu A, ấp N, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Anh Trần Tất P và chị Nguyễn Thị Kim N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã L, huyện S, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 26/3/2015 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong thời kỳ hôn nhân, anh P và chị N có 01 con chung là Trần Minh K, sinh ngày 01/6/2015. Quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc nên anh P và chị N thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận cho anh, chị thuận tình ly hôn. Ngày 19 tháng 10 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã tiến hành hòa giải

đoàn tụ đối với anh Trần Tất P và chị Nguyễn Thị Kim N nhưng không thành; các đương sự thống nhất thuận tình ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề liên quan. Thỏa thuận của các đương sự ghi nhận tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19 tháng 10 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Tất P và chị Nguyễn Thị Kim N thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh P và chị N thống nhất giao con chung là Trần Minh K sinh ngày 01/6/2015 cho chị N nuôi dưỡng. Anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức cấp dưỡng là 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày 27/10/2020 đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Tất P và chị Nguyễn Thị Kim N mỗi người chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự về hôn nhân và gia đình là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Tất P và chị Nguyễn Thị Kim N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là Trần Minh K sinh ngày 01/6/2015 cho chị Nguyễn Thị Kim N nuôi dưỡng. Anh Trần Tất P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức cấp dưỡng là 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày 27/10/2020 đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Trần Tất P được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

2. Về lệ phí: Anh Trần Tất P và chị Nguyễn Thị Kim N mỗi người chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự về hôn nhân và gia đình là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh P và chị Thủy đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004720 ngày 12/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Anh P và chị N đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành;
- UBND xã L;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Ngọc